

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 30 /GP-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 01 tháng 9 năm 2015

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
Mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định nộp ngày 07/8/2015,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 511/TTr-STNMT ngày 27/8/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

1. Diện tích khu vực khai thác: 8,5 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5 có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực  $107^{\circ}15'$  mũi chiếu  $3^{\circ}$  theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Giấy phép này.

2. Độ sâu khai thác: + 450 m

3. Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất:  $2.934.427 \text{ m}^3$ .

- Trữ lượng khai thác:  $2.545.763 \text{ m}^3$ .

4. Công suất khai thác:  $100.000 \text{ m}^3/\text{năm}$ .

5. Thời hạn khai thác: 26 năm (đến tháng 10/2041 kể từ ngày ký Giấy phép).

**Điều 2.** Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự có trách nhiệm:

1. Chậm nhất sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Doanh nghiệp phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định.

2. Tiến hành hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

5. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn vật liệu nổ; an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Lủng Cái Đay và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đát đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ.

Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép này sau khi nộp hồ sơ thiết kế mỏ đã được phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu hoạt động khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác mỏ cho cơ quan chức năng nhà nước theo quy định./.

**Nơi nhận:** 13

- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, KH&ĐT, TN&MT(3b);
- CPVP, KTN, TH;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Tràng Định;
- UBND xã Tri Phương;
- DNTN Ngọc Dụ;
- Lưu: VT, (HẠNH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lý Vinh Quang**

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký  
Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn

Số đăng ký: 07/ĐK-KT

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 9 năm 2015

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt



**RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÙNG CÁI ĐAY,  
XÃ TRI PHƯƠNG, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 30 /GP-UBND  
ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh)

<b>Điểm góc</b>	<b>Hệ tọa độ VN2000</b> (kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ mũi chiếu $3^{\circ}$ )	
	<b>X (m)</b>	<b>Y (m)</b>
<b>1</b>	2471 330	417 769
<b>2</b>	2471 456	417 805
<b>3</b>	2471 509	417 902
<b>4</b>	2471 332	418 196
<b>5</b>	2471 136	418 097
<b>Diện tích: 8,5 ha</b>		

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 8 năm 2015

## TỜ TRÌNH

### Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định nộp ngày 07/8/2015,

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, kết quả như sau:

- Mỏ đá vôi Lủng Cái Đay được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 cho Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) với diện tích 21 ha, trữ lượng khai thác 5.600.610 m<sup>3</sup>, công suất khai thác 200.000 m<sup>3</sup>/năm, thời hạn khai thác 29 năm (đến tháng 10/2041). Do trữ lượng được cấp phép khai thác lớn, thời gian khai thác còn lại và công suất khai thác trung bình hàng năm không thể hết phần trữ lượng chưa khai thác, số tiền cấp quyền khai thác phải nộp lớn. Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ, Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác mỏ đá vôi Lủng Cái Đay với nội dung như sau:

- + Diện tích khu vực khai thác điều chỉnh từ 21 ha xuống 8,5 ha;
- + Trữ lượng địa chất điều chỉnh từ 8.608.721 m<sup>3</sup> xuống 2.934.427 m<sup>3</sup> và trữ lượng khai thác là 2.545.763 m<sup>3</sup>;
- + Công suất khai thác điều chỉnh từ 200.000 m<sup>3</sup>/năm xuống 100.000 m<sup>3</sup>/năm;

- Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản gồm:
  - + Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 18/5/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

+ Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt số 50/QĐ-ND ngày 04/8/2015 của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ; Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 14121000281, chứng nhận lần đầu ngày 20/9/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 02/02/2015 của UBND tỉnh cấp cho Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lủng Cái Đay, đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

+ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư cải tạo mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn”. Do điều chỉnh giảm công suất, diện tích, trữ lượng, Doanh nghiệp có bản cam kết ngày 04/8/2015 tiếp tục thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

+ Báo cáo giải trình và tài liệu địa chất phần trữ lượng cắt giảm của mỏ đá vôi Lủng Cái Đay so với trữ lượng địa chất của mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 18/5/2011 của UBND tỉnh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 và bản đồ khu vực khai thác khoáng sản.

- Liên quan đến vị trí khu vực điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: Qua kiểm tra, đối chiếu với bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 cho thấy phần trữ lượng địa chất huy động vào khai thác trong diện tích 8,5 ha nằm trong khu vực 21 ha đã được cấp phép.

- Liên quan đến tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo Giấy phép khai thác hiện hành và được điều chỉnh phù hợp khi Giấy phép khai thác thay thế có hiệu lực pháp luật.

Từ kết quả thẩm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 như sau:

1. Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác: 8,5 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5 có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác hệ toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực  $107^{\circ}15'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$  theo Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

- Độ sâu khai thác: + 450 m.
- Trữ lượng địa chất:  $2.934.427 \text{ m}^3$ .
- Trữ lượng khai thác:  $2.545.763 \text{ m}^3$ .
- Khối trữ lượng khai thác: Tại một phần khối trữ lượng cấp 1-121 và cấp 2-122 trong khu vực đã được UBND tỉnh phê duyệt.
- Công suất khai thác:  $100.000 \text{ m}^3/\text{năm}$ .

- Thời hạn khai thác: 26 năm (đến tháng 10/2041).

2. Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ có trách nhiệm:

- Chậm nhất sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Doanh nghiệp phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định.

- Tiến hành hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

- Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn vật liệu nổ; an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Lủng Cái Đay và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

- Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

*Noi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- DNTN Ngọc Dụ;
- Lưu: VT, KS, Th.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt

Điểm	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 107°15' mực chót 3°)		Điểm tách: 8,5 ha
	X (m)	Y (m)	
1	2471 330	417 769	
2	2471 456	417 805	
3	2471 509	417 902	
4	2471 332	418 196	
5	2471 136	418 097	

PHÚ LỰC  
XÃ TRI PHƯƠNG, HUYỆN TRÀNG DINH, TỈNH LÂM SƠN  
Kính thưa Tỉnh trưởng số 541/TT-STNMT ngày 27/8/2015  
của Sở Tài nguyên và Môi trường



SỞ TÀI NGUYỄN VÀ MÔI TRƯỜNG  
UBND TỈNH LÂM SƠN

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 1887/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 11 tháng 10 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác mỏ đá vôi Lũng Cái Day,  
xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
Đến số 7987  
Chuyển:.....  
uu hieu.....  
Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;  
Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;  
Căn cứ Công văn số 723/Ttg-KTN ngày 21/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản;  
Căn cứ Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/7/2014 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 570/TTr-STNMT ngày 15/10/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Cái Day, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, với các nội dung sau:

1. Tên tổ chức nộp tiền: Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự.
2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu:

$$G = 81.125 \text{ đồng/m}^3$$

3. Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt: 7.904.461.000 đồng (Viết bằng chữ: *Bảy tỷ, chín trăm linh bốn triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*).

4. Tổng số lần nộp (Theo quy định tại Điều 2 Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải hoàn thành việc thu trước khi giấy phép khai thác hết hạn là 05 năm),  $n = X - 4 = 26 - 4 = 22$  lần (Từ năm 2015 đến năm 2036).

Trong đó:

*Đơn vị tính: đồng*

<i>Năm 2015</i>	<i>Năm 2016</i>	<i>Năm 2017</i>	<i>Năm 2018</i>	<i>Năm 2019</i>
359.294.000	359.294.000	359.294.000	359.294.000	359.294.000
<i>Năm 2020</i>	<i>Năm 2021</i>	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2023</i>	<i>Năm 2024</i>
359.294.000	359.294.000	359.294.000	359.294.000	359.294.000
<i>Năm 2025</i>	<i>Năm 2026</i>	<i>Năm 2027</i>	<i>Năm 2028</i>	<i>Năm 2029</i>
359.294.000	359.294.000	359.294.000	359.294.000	359.294.000
<i>Năm 2030</i>	<i>Năm 2031</i>	<i>Năm 2032</i>	<i>Năm 2033</i>	<i>Năm 2034</i>
359.294.000	359.294.000	359.294.000	359.294.000	359.294.000
<i>Năm 2035</i>	<i>Năm 2036</i>			
359.294.000	359.294.000			

5. Số tiền nộp lần đầu (năm 2015): 359.294.000 đồng (*Viết bằng chữ: Ba trăm năm mươi chín triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng*). Thời gian nộp: Chậm nhất 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được thông báo của Cơ quan thuế.

6. Số tiền nộp hàng năm từ lần thứ hai trở đi đến năm 2036 phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Thời gian nộp chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm.

7. Địa phương nơi nộp tiền cấp quyền khai thác: Huyện Tràng Định.

**Điều 2.** Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ có trách nhiệm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Điều 1 Quyết định này và thông báo của Cục thuế tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 25/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Lũng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định.

Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương; Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND huyện Tràng Định, Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận: /*

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, TN&MT(03b);
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, (HẠNH).



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 767/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 5 năm 2011

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Lùng Cái Day,  
xã Tri Phương, huyện Tràng Định**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 14/2006/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về trình tự, thủ tục trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Xét hồ sơ trình thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Lùng Cái Day của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 28/3/2011;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 157/TTr-STNMT ngày 16/5/2011,

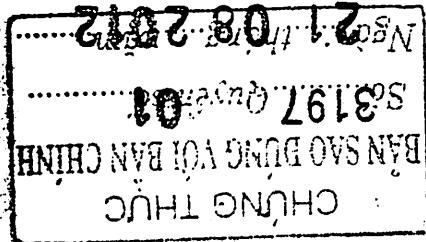
### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và phân cấp trữ lượng mỏ đá vôi Lùng Cái Day theo báo cáo thăm dò của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự, với nội dung sau:

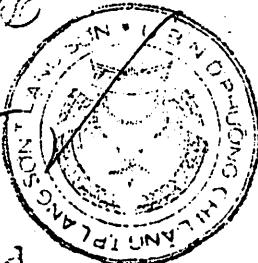
1. Phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Lùng Cái Day do Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự thực hiện theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1969/GP-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

2. Loại khoáng sản thăm dò: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

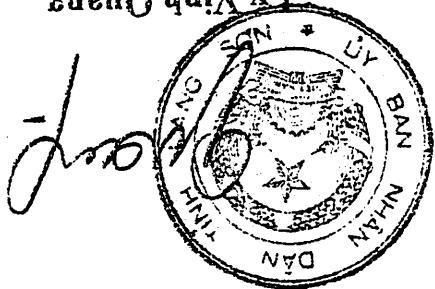
3. Cấp trữ lượng và trữ lượng khoáng sản:



Ghi nhận Quốc lộ



PHÒ CHỦ TỊCH  
HỘ KHOÁNG CHI LĂNG  
Lý Vịnh Quang



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÒ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: №  
Nhà Điều 3;  
- Các PCU BND tỉnh;  
- Tỉnh Cục Di sản và Khoáng sản;  
- Các Sở TN&MT (02 ban), XD, CT;  
- CAF, KTN, TH;  
- LĐLĐ, VT, VOK.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký /.

Quyết định này.

**Điều 3.** Giảm đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Trảng Biên, Chủ tịch UBND xã Tri Phường, Giảm đốc Đoàn nguyễn thi nhãm Ngày 06 tháng 6 năm 2016 đã ký ban hành Nghị quyết số 06/NĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và phân lô đất ở tại xã Tri Phường, huyện Trảng Biên, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Điều 2.** Bao cáo kết quả thẩm định do Sở Tài nguyên và Môi trường trình trước Hội đồng nhân dân xã Tri Phường, huyện Cai Lậy là tài liệu dia

trưởng tỉnh Long Sơn.

4. Đoàn nguyễn thi nhãm đánh giá rõ lý do không khoáng sản tại Số Tài nguyên số 27/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chẽ đỗ thi, nởp, quản lý và sử dụng phi tham dinh đánh giá rõ lý do không khoáng sản tại Số Tài nguyên và Môi

= 4.094.757 m<sup>3</sup>, cấp 122 = 4.513.964 m<sup>3</sup>).

- Tổng trữ lượng khoáng sản cấp 121 + 122 = 8.608.721 m<sup>3</sup> (tổng do: Cấp 121

- Cấp trữ lượng: 121 và 122;

Số ...4...BC-ND

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 8 năm 2015

Kính gửi : Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**I. Phần chung**

1. Tổ chức được phép khai thác: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC DỰ;
2. Loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân;
3. Địa chỉ: Khu II, thị trấn Thát Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;  
Điện thoại: 025.3887.513;
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên: ông Bé Ngọc Dự;
  - Ngày sinh: 21/11/1962; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam;
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Nà Han, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

**II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày 08/10/2012 đến ngày 30/6/2015**

**II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số: 20/GP-UBND ngày 08/10/2012**

*A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản*

1. Loại khoáng sản được phép khai thác: đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;
2. Cơ quan cấp phép: UBND tỉnh Lạng Sơn;
3. Diện tích khu vực khai thác: 21 ha;
4. Phương pháp khai thác: lò thiên;
5. Mức sâu khai thác: mức +450m;
6. Trữ lượng được phép khai thác:
  - Trữ lượng địa chất: 8.608.721 m<sup>3</sup>,
  - Trữ lượng khai thác: 5.600.610 m<sup>3</sup>;
7. Công suất được phép khai thác: 200.000 m<sup>3</sup>/năm;



8. Thời hạn giấy phép: 29 năm, kể từ ngày ký Giấy phép khai thác, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm;

9. Vị trí mỏ: xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

*B. Tình hình khai thác khoáng sản*

1. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế tính đến 31/12/2014: 150.584 m<sup>3</sup>.

*Bảng 01. Tổng hợp sản lượng khai thác*

Năm	Sản lượng tính thuế (m <sup>3</sup> thành phẩm)	Trữ lượng quy đổi (m <sup>3</sup> nguyên khối)
2012	21.296	28.395
2013	37.009	49.345
2014	54.633	72.844
Tổng	<b>112.938</b>	<b>150.584</b>

2. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến 31/12/2014: 8.458.137 m<sup>3</sup>.

3. Trữ lượng khai thác còn lại tính đến 31/12/2014: 5.420.026 m<sup>3</sup>.

*C. Đánh giá chung*

Mỏ đá vôi Lũng Cái Day được cấp phép khai thác với công suất 200.000 m<sup>3</sup>/năm. Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường về đá vật liệu xây dựng giảm mạnh, lượng đá tồn kho lớn, với công suất và trữ lượng theo Giấy phép nêu trên, hàng năm Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ khai thác không đạt công suất theo quy định.



DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN  
NGỌC DỤ



GIÁM ĐỐC  
BÊ NGỌC DỤ

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 20 /GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 10 năm 2012

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
Mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 256/TTr - STNMT ngày 03 tháng 10 năm 2012,

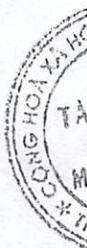
**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự được khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung sau:

1. Diện tích khu vực khai thác 21ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5 có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác hệ toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trục  $105^{\circ}$  mũi chiếu  $6^{\circ}$  kèm theo Giấy phép này.

2. Trữ lượng địa chất:  $8.608.721m^3$

3. Trữ lượng được khai thác:  $5.600.610m^3$



4. Công suất khai thác: 200.000m<sup>3</sup> (đá nguyên khai)/năm

5. Thời hạn khai thác: 29 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm.

**Điều 2.** Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

Chậm nhất sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Doanh nghiệp phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khoáng sản trong diện tích khu vực được cấp Giấy phép khai thác.

2. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản đá vôi tại mỏ Lủng Cái Đay theo đúng quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, có các biện pháp phòng, chống sự cố. Trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ, nếu phát hiện có khoáng sản khác phải báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất; đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

**Điều 3.** Hoạt động khai thác theo Giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Doanh nghiệp đã thực hiện cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; ký Hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến cho cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Tràng Định; Chủ tịch UBND xã Tri Phương, huyện Tràng Định; Giám đốc

Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: //

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh; **CHỨNG THỰC**
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;  
**Bản sao không với bản chính**
- Các Sở: TN&MT (02 b), XD, CT, KH&ĐT;
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, VQK.

Ngày: **10 -02- 2015**

Số...A18.....Quyển...01.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký Nhà nước  
tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Số đăng ký: 02./DK-KT.

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 02 năm 2012

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nông Văn Nho

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 1678 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 10 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản  
mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 1014/ĐCCKS-KTĐCCKS ngày 09/7/2014 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 436/TTr-STNMT ngày 23/10/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn cho phần trữ lượng khai thác tính từ ngày 01/01/2014 đến hết thời hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 của UBND tỉnh, với các nội dung sau:

1. Tên tổ chức nộp tiền: Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự
2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản G = 81.125 đồng/m<sup>3</sup>.
3. Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt: 22.423.257.000 đồng (*Viết bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).
4. Tổng số lần nộp: 24 lần (Từ năm 2014 đến năm 2037).
5. Số tiền nộp lần đầu (năm 2014): 934.302.000 đồng (*Viết bằng chữ: Chín trăm ba mươi tư triệu, ba trăm linh hai nghìn đồng*). Thời gian nộp: Chậm nhất 90 ngày kể từ ngày Doanh nghiệp nhận được thông báo của Cơ quan thuế.
6. Số tiền nộp hàng năm từ lần thứ hai trở đi đến năm 2037 bằng số tiền phải nộp lần đầu nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Thời gian nộp chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm.

7. Địa phương nơi nộp tiền cấp quyền khai thác: Huyện Tràng Định.

**Điều 2.** Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 08/10/2012 đến ngày 31/12/2013 là 204.335.000 đồng (*Viết bằng chữ: Hai trăm linh bốn triệu, ba trăm ba mươi năm nghìn đồng*) tạm thời chưa thu theo ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 723/Ttg-KTN ngày 21/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

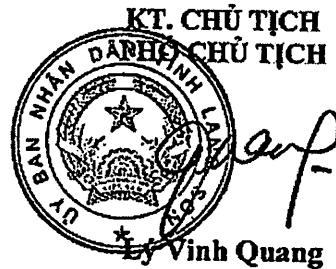
Số tiền này sẽ được quyết định chính thức khi có Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 3.** Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ có trách nhiệm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Điều 1 Quyết định này và thông báo của Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 4.** Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Tràng Định; Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Noi nhận:*

- Như Điều 4;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tinh;
- Các Sở: CT, XD, TN&MT (03b);
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, VQK.



Lạng Sơn, ngày 27 tháng 8 năm 2015

**TỜ TRÌNH**

Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác mỏ đá vôi  
Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định nộp ngày 07/8/2015,

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, kết quả như sau:

- Mỏ đá vôi Lủng Cái Đay được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 cho Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) với diện tích 21 ha, trữ lượng khai thác 5.600.610 m<sup>3</sup>, công suất khai thác 200.000 m<sup>3</sup>/năm, thời hạn khai thác 29 năm (đến tháng 10/2041). Do trữ lượng được cấp phép khai thác lớn, thời gian khai thác còn lại và công suất khai thác trung bình hàng năm không thể hết phần trữ lượng chưa khai thác, số tiền cấp quyền khai thác phải nộp lớn. Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ, Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác mỏ đá vôi Lủng Cái Đay với nội dung như sau:

- + Diện tích khu vực khai thác điều chỉnh từ 21 ha xuống 8,5 ha;
- + Trữ lượng địa chất điều chỉnh từ 8.608.721 m<sup>3</sup> xuống 2.934.427 m<sup>3</sup> và trữ lượng khai thác là 2.545.763 m<sup>3</sup>;
- + Công suất khai thác điều chỉnh từ 200.000 m<sup>3</sup>/năm xuống 100.000 m<sup>3</sup>/năm;

- Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản gồm:  
+ Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 18/5/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

+ Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt số 50/QĐ-ND ngày 04/8/2015 của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ; Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 14121000281, chứng nhận lần đầu ngày 20/9/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 02/02/2015 của UBND tỉnh cấp cho Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

+ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư cải tạo mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn”. Do điều chỉnh giảm công suất, diện tích, trữ lượng, Doanh nghiệp có bản cam kết ngày 04/8/2015 tiếp tục thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

+ Báo cáo giải trình và tài liệu địa chất phần trữ lượng cắt giảm của mỏ đá vôi Lủng Cái Đay so với trữ lượng địa chất của mỏ đã được phê duyệt tại Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 18/5/2011 của UBND tỉnh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 và bản đồ khu vực khai thác khoáng sản.

- Liên quan đến vị trí khu vực điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: Qua kiểm tra, đối chiếu với bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 cho thấy phần trữ lượng địa chất huy động vào khai thác trong diện tích 8,5 ha nằm trong khu vực 21 ha đã được cấp phép.

- Liên quan đến tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo Giấy phép khai thác hiện hành và được điều chỉnh phù hợp khi Giấy phép khai thác thay thế có hiệu lực pháp luật.

Từ kết quả thẩm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND ngày 08/10/2012 như sau:

1. Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lột thiên tại mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác: 8,5 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5 có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác hệ toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực  $107^{\circ}15'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$  theo Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

- Độ sâu khai thác: + 450 m.

- Trữ lượng địa chất:  $2.934.427 \text{ m}^3$ .

- Trữ lượng khai thác:  $2.545.763 \text{ m}^3$ .

- Khối trữ lượng khai thác: Tại một phần khối trữ lượng cấp 1-121 và cấp 2-122 trong khu vực đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Công suất khai thác:  $100.000 \text{ m}^3/\text{năm}$ .

- Thời hạn khai thác: 26 năm (đến tháng 10/2041).
  - 2. Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ có trách nhiệm:
    - Chậm nhất sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Doanh nghiệp phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định.
    - Tiến hành hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.
    - Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
    - Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.
    - Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn vật liệu nổ; an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Lũng Cái Đay và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
    - Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.
    - Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.
- Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

*Noi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- DNTN Ngọc Dụ;
- Lưu: VT, KS, Th.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



PHỤ LỤC

RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LỦNG CÁI ĐAY,  
XÃ TRI PHƯƠNG, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN  
(Kèm theo Tờ trình số 544/TTr-STNMT ngày 27/8/2015  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ mũi chiếu $3^{\circ}$ )	
	X (m)	Y (m)
1	2471 330	417 769
2	2471 456	417 805
3	2471 509	417 902
4	2471 332	418 196
5	2471 136	418 097
Diện tích: 8,5 ha		

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG THỰC  
BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

09-02-2015

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH**

Số: 14121000281

Chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2012

Chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 02 năm 2015

Số: 1305.YEN.02 SCTBS

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm tra số 41/BC-SKHĐT ngày 26/01/2015,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN



Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000281 ngày UBND tỉnh Lạng Sơn cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/9/2012 cho Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định do Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự làm chủ dự án, với nội dung sau:

**Điều 1.** Các nội dung sau đây của Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000281 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/9/2012 được điều chỉnh như sau:

1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định.

2. Quy mô dự án: Đầu tư khai thác đá vôi với công suất 130.000 m<sup>3</sup> sản phẩm/năm tương đương 100.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khai.

3. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 10,55 ha.

- Hình thức sử dụng đất: thuê đất với Nhà nước.

4. Tổng mức đầu tư:

10.621 triệu đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.097 triệu đồng;
- Chi phí thiết bị: 6.114 triệu đồng;
- Chi phí QLDA, TVĐTXD, chi phí khác: 466 triệu đồng;
- Chi phí tiền cấp quyền khai thác: 372 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 559 triệu đồng;
- Vốn lưu động: 803 triệu đồng;
- Lãi vay xây dựng cơ bản: 210 triệu đồng.

5. Thời gian hoạt động của dự án: 26,7 năm, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

**Điều 2.** Mọi điều khoản khác không đề cập đến được giữ nguyên theo Giấy chứng nhận đầu tư số 14121000281 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/9/2012 cho Dự án.

**Điều 3.** Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc, chủ đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư gửi các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính và UBND huyện Tràng Định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
*Nguyễn Thị Thúy*

Số .46....BC-ND

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Kính gửi : Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

#### I. Phần chung

1. Tổ chức được phép khai thác: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC DỰ;
2. Loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân;
3. Địa chỉ: Khu II, thị trấn Thát Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;  
Điện thoại: 025.3887.513;
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên: ông Bé Ngọc Dự;
  - Ngày sinh: 21/11/1962; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam;
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Nà Han, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

#### II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày 08/10/2012 đến ngày 30/6/2015

##### II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số: 20/GP-UBND ngày 08/10/2012

###### A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác: đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường;
2. Cơ quan cấp phép: UBND tỉnh Lạng Sơn;
3. Diện tích khu vực khai thác: 21 ha;
4. Phương pháp khai thác: lò thiên;
5. Mức sâu khai thác: mức +450m;
6. Trữ lượng được phép khai thác:
  - Trữ lượng địa chất: 8.608.721 m<sup>3</sup>,
  - Trữ lượng khai thác: 5.600.610 m<sup>3</sup>;
7. Công suất được phép khai thác: 200.000 m<sup>3</sup>/năm;

8. Thời hạn giấy phép: 29 năm, kể từ ngày ký Giấy phép khai thác, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm;

9. Vị trí mỏ: xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

*B. Tình hình khai thác khoáng sản*

1. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế tính đến 31/12/2014: 150.584 m<sup>3</sup>.

*Bảng 01. Tổng hợp sản lượng khai thác*

Năm	Sản lượng tính thuế (m <sup>3</sup> thành phẩm)	Trữ lượng quy đổi (m <sup>3</sup> nguyên khôi)
2012	21.296	28.395
2013	37.009	49.345
2014	54.633	72.844
Tổng	<b>112.938</b>	<b>150.584</b>

2. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến 31/12/2014: 8.458.137 m<sup>3</sup>.

3. Trữ lượng khai thác còn lại tính đến 31/12/2014: 5.420.026 m<sup>3</sup>.

*C. Đánh giá chung*

Mỏ đá vôi Lủng Cái Đay được cấp phép khai thác với công suất 200.000 m<sup>3</sup>/năm. Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường về đá vật liệu xây dựng giảm mạnh, lượng đá tồn kho lớn, với công suất và trữ lượng theo Giấy phép nêu trên, hàng năm Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ khai thác không đạt công suất theo quy định.

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

NGỌC DỤ



GIÁM ĐỐC  
BÉ NGỌC DỤ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

BẢN SAO



Căn cứ Nghị định số 10/2012/NĐ-CP ngày 12/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 10/2012/NĐ-CP ngày 12/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư.

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Đã cấp ngày 21/9/2012  
Kết quả nghị định số 10/2012/NĐ-CP  
số 10/2012/NĐ-CP ngày 12/3/2012

ỦY B



CHÍNH THỨC LÀM THẾ  
BẢN SAO NÀY ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

25 -09- 2012

3274 , 01  
QUYỀN

Chủ đầu tư: DOANH  
Thái, chứng nhận  
ngày 12/9/2012, đăng kí  
kinh doanh: Số Kế hoạch

Địa chỉ: Số 01  
Thị trấn L

SỐ 14121000281

NGÀY CẤP 20/9/2012

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**  
Số: 14121000281

*Chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2012*

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản;

Xét đề nghị của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ về việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án: Đầu tư cải tạo, mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lũng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định ngày 21/8/2012 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm tra số 321/BC-SKHĐT ngày 13/9/2012,

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**Chứng nhận:**

Chủ dự án: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC DỤ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4900219105, đăng ký lần đầu ngày 12/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/7/2009 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: khu II, thị trấn Thát Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253.887.513

Đại diện theo pháp luật: Ông Bế Ngọc Dụ

Sinh ngày 21/11/1962; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh thư nhân dân số: 080937623; Ngày cấp: 22/4/2000; Nơi cấp Công an tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Nà Han, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện tại: khu II, thị trấn Thát Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

**Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:**

**Điều 1.** Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÁI TẠO, MỎ RỘNG KHAI THÁC, CHẾ BIẾN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG MỎ ĐÁ VÔI LỦNG CÁI ĐAY, XÃ TRI PHƯƠNG, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH.

**Điều 2.** Mục tiêu và quy mô dự án:

1. Mục tiêu đầu tư: cải tạo, mở rộng mỏ đá vôi Lủng Cái Đay nâng công suất khai thác, chế biến tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động, đóng góp cho ngân sách, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

2. Quy mô dự án: đầu tư cải tạo, mở rộng mỏ nâng công suất khai thác, chế biến đá vôi đạt  $260.000m^3$  sản phẩm/năm, tương ứng với  $200.000m^3$  đá nguyên khai.

**Điều 3.** Địa điểm thực hiện dự án: xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 21 ha.

Hình thức sử dụng đất: thuê đất với Nhà nước.

**Điều 4.** Tổng mức đầu tư:

**18.253 triệu đồng**, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	5.450 triệu đồng
- Chi phí thiết bị:	5.918 triệu đồng
- Chi phí QLDA, TVĐTXD, chi phí khác:	980 triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	780 triệu đồng
- Chi phí bảo dưỡng đường giao thông:	1.000 triệu đồng
- Vốn lưu động:	2.788 triệu đồng
- Lãi vay xây dựng cơ bản:	1.337 triệu đồng

Nguồn vốn thực hiện dự án: vốn tự có và vốn vay ngân hàng.

**Điều 5.** Thời gian hoạt động của dự án là 30 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

**Điều 6.** Tiến độ xây dựng cơ bản mỏ:

- Từ tháng 8/2012 – 9/2012: hoàn thiện thủ tục xin cấp phép khai thác.



- Từ tháng 10/2012: xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác.

**Điều 7.** Các ưu đãi đối với dự án và trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1. Được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản, các Luật có liên quan và các quy định hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường hàng năm đối với công trình giao thông trong khu vực.

3. Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu Chủ đầu tư không thực hiện dự án, UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định chấm dứt dự án, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

**Điều 8.** Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư được gửi cho các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính và UBND huyện Tràng Định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

UBND PHƯỜNG ĐÔNG KINH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Hoàng Công Lohn

Lý Vinh Quang



BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 835/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 6 năm 2012

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án: Đầu tư cải tạo mỏ rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lũng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 144/TTr-STNMT ngày 25/6/2012,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư cải tạo mỏ rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lũng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, do Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự làm chủ dự án (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

1.1. Phạm vi của Dự án.

- Dự án được thực hiện tại Lũng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đồi núi;

- + Phía Tây giáp đồi núi;
- + Phía Nam giáp đồi núi;
- + Phía Bắc giáp đồi núi.

- Tổng diện tích là 22,5 ha (trong đó diện tích khu khai thác 21 ha; diện tích trạm nghiên sàng 0,8 ha, khu điều hành mỏ diện tích 0,3 ha, khu bãi thải diện tích là 0,4 ha).

### 1.2. Quy mô, công suất của Dự án.

Dự án: Đầu tư cải tạo mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Lũng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn có công suất 200.000 m<sup>3</sup>/năm đá nguyên khai.

### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án

- Tuân thủ đúng những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai Dự án: Thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; trường hợp chất thải có yếu tố nguy hại phải tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh.

- Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước thải...theo đúng nội dung nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc, giám sát môi trường về Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn (02 lần/năm); chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Các công trình xử lý và bảo vệ môi trường phải có thiết kế chi tiết và xây dựng các công trình này theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng và chỉ được đưa vào sử dụng sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

- Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai Dự án.

**Điều 2. Phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án:** Đầu tư cải tạo mở rộng khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lũng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, do Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự làm chủ Dự án với các nội dung sau:

1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường: Tháo dỡ các công trình phục vụ khai thác; cải tạo mặt tầng, sườn tầng; san gạt tạo mặt bằng, phủ đất màu, trồng cây xanh tại các khu vực đáy moong khai thác, trạm nghiên, bãi chứa đá sạch, khu điều hành mỏ và tuyến đường vận chuyển nội mỏ.

### 2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 2.244.560.000 đ (*Hai tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 30 lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn

**Điều 3.** Chủ Dự án có trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

4. Cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản.

5. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với tổng số tiền ký quỹ là 2.244.560.000 đ (*Hai tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), phương thức ký quỹ như sau:

- Số tiền ký quỹ lần đầu là: 336.684.000đ (*Ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

- Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 2 đến năm thứ 30) là: 65.790.000 đ (*Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

6. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Dự án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

**Điều 4.** Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với tại Điều 1 và Điều 2 của Quyết định này, chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 5.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 6.** Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 13

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (04 bản);
- UBND huyện Tràng Định;
- UBND xã Tri Phương, huyện Tràng Định;
- Chủ dự án (02 bản);
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, CVL.

CHÚNG THỰC BẢN SAO  
ĐƯNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 16 - 7 - 2012

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phó Chủ tịch

Vinh Quang



Số ...50./QĐ-NĐ

Lạng Sơn, ngày 4 tháng 8 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm VLXD thông thường  
mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn**

### **GIÁM ĐỐC**

#### **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC DỰ**

- Căn cứ quy chế, nội quy quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự.

- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Thiết kế mỏ, Dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

- Căn cứ hồ sơ "Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm VLXD thông thường mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn" do Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa lập năm 2014.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm VLXD thông thường mỏ Lủng Cái Đay, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án: Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm VLXD thông thường mỏ Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

2. Chủ đầu tư: Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự.

3. Tên tổ chức lập Dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa.

4. Tên tổ chức lập Thiết kế cơ sở: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa.

5. Mục tiêu đầu tư: Khai thác đá vôi làm VLXD thông thường cung cấp cho thị trường trong huyện và vùng lân cận.

6. Công suất thiết kế:  $130.000 \text{ m}^3$  đá thành phẩm/năm (tương đương  $100.000 \text{ m}^3$  đá nguyên khối/năm).

7. Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản:

Khai thác bằng phương pháp nổ mìn, hệ thống khai thác chia lớp đứng, chuyển tải bằng nổ mìn.

Đá sau khi khai thác được máy xúc xúc lên ô tô chở về bãi chế biến.

Các thông số chủ yếu của hệ thống khai thác và đồng bộ thiết bị khai thác chủ yếu được thể hiện ở các bảng dưới đây:

**Bảng 01. Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác**

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	h	m	5,0
2	Chiều cao tầng kết thúc khai thác	$H_{kt}$	m	10,0
3	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	$\alpha$	độ	75
4	Góc nghiêng sườn tầng khi kết thúc khai thác	$\alpha_{kt}$	độ	75
5	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu	$B_{min}$	m	5 - 7
6	Chiều rộng dải khai	A	m	4
7	Chiều rộng mặt tầng kết thúc khai thác	$b_{kt}$	m	3,5
8	Góc nghiêng bờ mỏ	$\gamma_{kt}$	độ	53-58
9	Chiều dài tuyến công tác	$L_{xmin}$	m	100 - 150

**Bảng 02. Đồng bộ thiết bị khai thác mỏ**

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
1	Búa khoan tay	Nặng 18kg, tiêu hao khí nén $2,5 \text{m}^3/\text{phút}$	02
2	Máy khoan xoay đập thủy lực	Đường kính lỗ khoan 76 - 105 mm	01
3	Máy nén khí	Năng suất nén khí $8 \text{ m}^3/\text{phút}$ ( $7,0 \text{kg/cm}^2$ )	02

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đặc tính kỹ thuật</b>	<b>Số lượng</b>
4	Máy nổ mìn	Nặng 1,6kg loại cảm ứng	02
5	Máy xúc thủy lực	Dung tích gầu xúc 1,0 -1,5m <sup>3</sup>	01
6	Máy xúc lật phục vụ KT và kho bãi	Dung tích gầu xúc 2,5 - 3m <sup>3</sup>	01
7	Máy gặt	Công suất động cơ 100CV	01
8	Xe ôtô	Trọng tải 15T	02
9	Xe tèc tưới đường	Loại 5m <sup>3</sup>	01

8. Địa điểm xây dựng: xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.
9. Tổng diện tích sử dụng đất: 10,55 ha (8,5 ha khai trường).
10. Các hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác đá vôi của mỏ:
- + Thi công tuyến đường công vụ (đường công nhân) lên mức +520.
  - + Thi công bạt đinh tạo mặt bằng công tác mức +520.
  - + Thi công cải tạo mặt bằng chân tuyến mức +450, tạo mặt bằng đủ rộng phục vụ công tác xúc bốc ở chân tuyến.
  - + Các công trình phụ trợ như: Văn phòng, nhà ở công nhân, kho xưởng, trạm nghiên sàng... đã được xây dựng đầy đủ.
11. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ: tuân thủ các Quy định theo các quy phạm QCVN 04: 2009/BCT, QCVN 02: 2008/BCT ,TCVN 5326-2008, QCVN 05: 2012/BLĐTBXD.
12. Tổng vốn đầu tư của dự án: 10.621 triệu đồng.
13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của Doanh nghiệp.
14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
15. Thời gian thực hiện dự án: 26,7 năm.
16. Phương thức thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.
17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:
- Quản lý, khai thác mỏ đúng phương án đã được phê duyệt và theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.
  - Thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong khu vực khai thác khoáng sản và theo quy định tại các văn bản pháp luật liên quan khác.

**Điều 2.** Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ, Giám đốc điều hành mỏ Lũng Cái Đay chịu trách nhiệm triển khai thi công đúng theo nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ, Giám đốc điều hành mỏ, Ban dự án, Phòng tài chính kế toán và các thành viên Công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định./.

### DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC DỤ

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VP.



BẢN SAO

SỞ KHẨU VÀ ĐIỆN TỬ TỈNH LẠNG SƠN  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ THUẾ  
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Mã số doanh nghiệp: 4900219105

Đăng ký lần đầu, ngày 12 tháng 8 năm 2002.

Đăng ký thay đổi lần thứ 05, ngày 06 tháng 7 năm 2009.

- Tên doanh nghiệp: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC DỰ
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu II, thị trấn Thát Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.  
Điện thoại: (025)3887513
- Ngành, nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến quặng kim loại; khai thác đá; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán hàng nông sản; xây dựng công trình giao thông; xây dựng công trình dân dụng; mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; khai thác gỗ và lâm sản khác; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; chế biến, mua bán lâm sản; trồng rừng và chăm sóc rừng; dịch vụ vận tải hàng hoá bằng ô tô.
- Vốn đầu tư: 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ, năm trăm triệu đồng).

5. Chủ doanh nghiệp:

Họ và tên: BÉ NGỌC DỰ

Nam

Sinh ngày: 21/11/1962

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt nam

Chứng minh nhân dân số: 080937623

Ngày cấp: 22/4/2000

CHỨNG THƯỢNG

Nơi cấp: Công an tỉnh Lạng Sơn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nà Hán, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện tại: Khu II, thị trấn Thát Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Chữ ký:

Số... A18... Quyển..... 01.....

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nông Văn Nho



Võ Thuý Nga

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày ..4 tháng ..8 năm 2015

**BẢN CAM KẾT**

V/v thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ đá Lủng Cái Đay

**Kính gửi:** Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Lạng Sơn

Doanh nghiệp: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC DỰ

Địa chỉ: Khu II, thị trấn Thát Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện: ông Bé Ngọc Dự                      Chức vụ: Chủ doanh nghiệp.

Điện thoại: 025.3887.513.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4900219105, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/8/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/7/2009.

Quyết định số 835/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Đầu tư cải tạo mở rộng khai thác chẻ biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá vôi Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn” do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28 tháng 6 năm 2012.

Giấy phép khai thác khoáng sản số 20/GP-UBND, ngày 08 tháng 10 năm 2012 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dự khai thác mỏ đá Lủng Cái Đay, xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung như sau:

- Diện tích khu vực khai thác: 21 ha;
- Trữ lượng mỏ:
  - + Trữ lượng địa chất: 8.608.721 m<sup>3</sup>
  - + Trữ lượng khai thác: 5.600.610 m<sup>3</sup>;
- Công suất khai thác: 200.000 m<sup>3</sup>/năm;
- Thời hạn khai thác: 29 năm, kể từ ngày ký Giấy phép khai thác, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm;
- Loại khoáng sản: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.



Do nhu cầu thị trường giảm mạnh, lượng đá tồn kho lớn, với công suất và trữ lượng theo Giấy phép nêu trên, hàng năm Doanh nghiệp khai thác không đạt công suất theo quy định. Đồng thời, theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Doanh nghiệp phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dựa trên trữ lượng địa chất trong ranh giới khu mỏ xin cấp phép khai thác; số tiền nộp tiền cấp quyền khai thác mỏ Lủng Cái Đay vượt quá năng lực tài chính của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ. Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ đã làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản với nội dung sau:

- Diện tích khu vực khai thác: 8,5 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 và 5 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

- Trữ lượng mỏ:

+ Trữ lượng địa chất: 2.934.427 m<sup>3</sup>;

+ Trữ lượng khai thác: 2.545.763 m<sup>3</sup>.

- Công suất khai thác: 100.000 m<sup>3</sup>/năm.

- Mức sâu khai thác: +450m.

- Thời hạn khai thác: 26 năm kể từ ngày cấp Giấy phép khai thác khoáng sản điều chỉnh.

Sau khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản điều chỉnh, Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dụ xin cam kết thực hiện theo đúng nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Dự án cải tạo, phục hồi môi trường mỏ đá Lủng Cái Đay được phê duyệt theo Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2012 của UBND tỉnh Lạng Sơn với nội dung chủ yếu như sau:

#### **Về Báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

- Tuân thủ đúng những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai Dự án.

- Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường theo đúng nội dung nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

#### **Về Đề án cải tạo, phục hồi môi trường:**

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường: Tháo dỡ các công trình khai thác, cải tạo mặt tầng, sườn tầng; san gạt tạo mặt bằng, phủ đất màu, trồng cây xanh tại các khu vực đáy moong khai thác, trạm nghiên, bãi chứa đá sạch, khu điều hành mỏ và tuyến đường vận chuyển nội mỏ.

- Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:
  - + Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 2.244.560.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm bốn mươi bốn bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).
  - + Số lần ký quỹ: 30 lần.
  - + Đơn vị ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.
  - + Số tiền ký quỹ lần đầu là: 336.684.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).
  - + Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 02 đến năm 26) là: 65.790.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN  
NGỌC DỰ**

